

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *3917* /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 16 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình:
Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc HĐND - UBND huyện Triệu Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 22/8/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc HĐND - UBND huyện Triệu Sơn; Văn bản số 9702/UBND-CN ngày 29/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục thuộc dự án đầu tư: Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc HĐND - UBND huyện Triệu Sơn;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 4864/SKHĐT-TĐ ngày 16/10/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc HĐND - UBND huyện Triệu Sơn; của UBND huyện Triệu Sơn tại Tờ trình số 2052/TTr-UBND ngày 03/10/2017 (kèm theo hồ sơ),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc HĐND - UBND huyện Triệu Sơn với những nội dung chủ yếu sau:

1. Khái quát về dự án

- Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc HĐND - UBND huyện Triệu Sơn được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại

Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 22/8/2011 với tổng mức đầu tư 27.622 triệu đồng (trong đó: Chi phí xây dựng 20.736 triệu đồng, chi phí thiết bị 1.650 triệu đồng, chi phí QLDA 477 triệu đồng, chi phí tư vấn ĐTXD 2.054 triệu đồng, chi phí khác 230 triệu đồng, chi phí dự phòng 2.515 triệu đồng).

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp của UBND huyện Triệu Sơn. Đến nay, dự án đã thi công hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng.

2. Nội dung điều chỉnh

2.1. Lý do điều chỉnh:

Trong quá trình triển khai thi công xây dựng, giá nguyên, nhiên, vật liệu xây dựng và chế độ chính sách của nhà nước có những thay đổi so với thời điểm dự án được duyệt và công trình thuộc đối tượng điều chỉnh. Đồng thời, để phù hợp với yêu cầu thực tế, đảm bảo ổn định, an toàn và nâng cao chất lượng, thẩm mỹ của công trình thì cần phải điều chỉnh một số giải pháp kỹ thuật của hạng mục công trình.

2.2. Nội dung điều chỉnh

a) Nhà làm việc

* Khu vực cải tạo:

- Tầng 1: Phá dỡ tường ngăn phòng trực Fx(11-12); không phá dỡ tường ngăn trực 6, trực 7, trực 9x(B-D); bổ sung ốp đá granite tường trực Hx(1-2), (11-12); bổ sung tường chắn nền sảnh trực 6, trực 7x(A-B); bổ sung trần thạch cao trần khu vệ sinh trực (11-12) và phá bỏ granitô khu hành lang, sảnh.

- Tầng 2: Phá dỡ tường ngăn phòng trực Fx(1-2), (11-12), tường trực 9x(B-D), tường khu vệ sinh giáp trực 11; không phá dỡ tường ngăn phòng trực 5, trực 8x(B-D); cải tạo, mở rộng phòng vệ sinh trực (11-12); bổ sung trần thạch cao phòng Chủ tịch, sảnh; phá bỏ lớp granitô khu hành lang, sảnh.

- Tầng 3: Phá dỡ tường ngăn phòng trực Fx(1-2), (11-12), tường trực 5x(B-D); không xây tường trực Fx(1-2); phá bỏ lớp granitô hành lang, sảnh; bổ sung xây mới phòng tại trực (6-7).

- Tầng mái: Bổ sung tháo dỡ gạch chống nóng mái cũ; điều chỉnh chống nóng mái từ xây gạch sang xây thu hồi, lợp mái tôn; bổ sung trần thạch cao khu cầu thang chính tại cos +11.7.

- Phần cửa + lan can: Bổ sung 01 bộ cửa đi D3 bằng nhựa lõi thép khu vệ sinh trực (11-12); 01 vách kính V1 bằng nhựa lõi thép hành lang trực 7 (tầng 3); bổ sung cửa đi, cửa sổ tại trực (6-7); bổ sung lan can hành lang trực H (tầng 1); thay mới toàn bộ khóa tay nắm + clemon cửa đi D2C; điều chỉnh kích thước cửa kính cường lực D1 từ (4,2x 2,7)m thành (4,2x2,85)m; bổ sung hoa sắt cho tất cả cửa sổ bằng nhựa lõi thép tầng 2, tầng 3; bổ sung thanh INOX gia cường vách kính V5, V6.

- Phần kết cấu: Bổ sung dầm BTCT: 01 dầm trên cửa đi D1, 01 dầm D6 gia cường sàn tiền sảnh tầng 1; con sơn đỡ sàn cos +14,2 và cos +15,3m.

- Các khu vệ sinh chung: Thay mới hệ thống cấp, thoát nước các khu vệ sinh chung;

- Bổ sung khối lượng bốc xếp, vận chuyển phế thải trên cao xuống, vận chuyển phế thải đổ đi.

* Khu vực xây mới:

- Gia cường dầm BTCT, đá 1x2, mác 200 cho các sàn: Sàn cốt +0,6: 01 dầm DS1 nối trục 6 đến trục 7; sàn cos +4.2 và cos +7.8: 02 dầm DS2 nối trục 5 đến trục 7; sàn cos +11.7: 01 dầm DS3 nối trục 4 đến trục 7.

- Bổ sung trần thạch cao phòng tiếp khách, phòng họp giao ban, phòng hội trường.

- Điều chỉnh chống nóng mái từ xây gạch sang xây thu hồi, lợp mái tôn.

- Bổ sung trát 2 lớp hạ cos đáy dầm D13, D14, DM10 (đoạn từ trục 3-10) và dầm D9B, DM8 (đoạn từ trục I -J) bằng vữa XM mác 75; điều chỉnh khối lượng ép cừ Larsen.

- Thoát nước tầng trệt: Bổ sung 01 hố ga kích thước (1,44x1,44x1,45)m, kết cấu: Đáy bằng bê tông mác 200, thành xây gạch đặc vữa xi măng, nắp dĩa có khung bằng thép V4, nan thép vuông đặc 10x10; bổ sung rãnh thoát nước L=65,8m, kích thước BxH = (0,56x0,41)m, đáy rãnh bằng bê tông đá 4x6, thành xây bằng gạch đặc vữa xi măng, nắp dĩa bằng tấm gang (1,0x0,3x0,05)m

- Bổ sung hộp che các cửa cuốn bằng tấm hợp kim, khung xương bằng thép hộp tráng kẽm; bổ sung 02 vị trí thoát nước mái bằng ống nhựa PVC, D110.

b) Các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật:

- Xây mới nhà để xe ô tô: Nhà 01 tầng, diện tích 70m²; móng xây gạch, nền đổ bê tông; tường xây gạch tiêu chuẩn, trát vữa xi măng, lăn sơn; mái sử dụng xà gồ thép, lợp tôn.

- Xây mới nhà để máy phát điện: Nhà 01 tầng, diện tích 16m²; móng xây gạch, nền đổ bê tông; tường xây gạch tiêu chuẩn, trát vữa xi măng, lăn sơn; mái BTCT kết hợp lợp tôn.

- Trạm biến áp: Điều chỉnh từ trạm kiốt sang trạm treo.

- Cổng, tường rào: Điều chỉnh cửa cổng từ cửa sắt thành cửa xếp inox điều khiển bằng mô tơ điện; điều chỉnh cột cổng từ lăn sơn thành ốp đá granite; bổ sung ốp gạch thẻ chân tường rào.

- Sân đường nội bộ: Bổ sung đánh bóng mặt sân bê tông.

c) Thiết bị:

- Lắp đặt bổ sung 45 máy điều hòa nhiệt độ cho các phòng làm việc.

- Bổ sung thiết bị bàn ghế nội thất văn phòng; thảm nền phòng họp, phòng đón tiếp khách.

d) Tổng mức đầu tư điều chỉnh:

- Bổ sung khối lượng dự toán tính thiếu so với TKBVTC đã được phê duyệt.

- Điều chỉnh chi phí nhân công, máy thi công, giá nguyên, nhiên, vật liệu xây dựng, giá thiết bị theo chế độ, chính sách hiện hành.

- Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 30.346 triệu đồng; trong đó:

+ Chi phí xây dựng : 24.020 triệu đồng;

+ Chi phí thiết bị : 3.115 triệu đồng;

+ Chi phí QLDA : 520 triệu đồng;

+ Chi phí tư vấn ĐTXD: 2.232 triệu đồng;

+ Chi phí khác : 459 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ biểu kèm theo).

3. Các nội dung khác: Theo Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 22/8/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc HĐND - UBND huyện Triệu Sơn.

Điều 2. UBND huyện Triệu Sơn (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

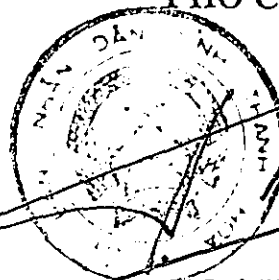
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá; Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.(M10.10)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Tuấn

Phụ biểu chi tiết
ĐIỀU CHỈNH TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
Công trình: Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc HĐND - UBND
Huyện: Triệu Sơn

(Kèm theo Quyết định số: 391/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi phí	TMĐT theo Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 22/8/2011	TMĐT điều chỉnh	Chênh lệch tăng (+) hoặc giảm (-)
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (G)	27.662,0	30.346,0	2.684,0
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG (Gxd)	20.736,0	24.020,0	3.284,0
1	Các hạng mục công trình đã phê duyệt	20.736,0	21.261,6	525,6
2	Các hạng mục công trình điều chỉnh, bổ sung		2.758,4	2.758,4
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ (Gtb)	1.650,0	3.115,0	1.465,0
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (Gql)	477,0	520,0	43,0
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XD (Gtv)	2.054,0	2.232,0	178,1
1	Khảo sát xây dựng	200,0	130,1	-69,9
2	Lập dự án đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư	123,1	155,3	32,1
3	Tư vấn lập TKBVTC và dự toán	622,1	966,0	343,9
4	Tư vấn thẩm tra TKBVTC và dự toán	73,0	87,3	14,4
5	Lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	60,1	60,1	0
6	Giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị	482,5	564,4	81,9
7	Kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình	168,9	168,9	0
8	Chi phí kiểm định chất lượng công trình cũ	100,0	100,0	0
9	Chi phí thực hiện một số công việc tư vấn khác	224,3	0	-224,3
V	CHI PHÍ KHÁC (Gk)	230,0	459,0	229,0
1	Thẩm định dự án	4,7	5,3	0,6
2	Thẩm định TKBVTC và dự toán	19,6	19,6	0
3	Thẩm định KQĐT	2,2	2,2	0
4	Bảo hiểm công trình	67,2	71,4	4,2
5	Kiểm toán công trình	104,2	275,5	171,3
6	Thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình	32,1	84,9	52,9
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG (Gdp)	2.515,0	0	-2.515,0